TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐB** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 232/2018/HNGĐ- ST.
Ngày: 18/9/2018.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương;

2. Ông Lò Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên .

Ngày 18/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX - ST ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị T, sinh năm: 1989. " Có mặt"

Trú tại: Bản Coóng N, phường Chiềng C, thành phố SL, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ - Sinh năm: 1990. "Xin xét xử vắng mặt"

Trú tại: Đội C4, xã Thanh H, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

(Hiện đang chấp hành án tại đội 14, phân trại số 2, trại giam Thanh Xuân).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/6/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện ĐB nguyên đơn chị Tòng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Đ lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2014 tại UBND phường Chiềng C, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến ngày 20/8/2014 thì chồng tôi vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 10 năm tù về tội "trộm cắp tài sản". Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân - Hà Nội. Do chồng tôi đi tù thời gian dài, tôi chưa có con chung, hiện nay do không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải sống dựa vào bố mẹ đẻ ở Sơn La. Tôi thấy mất lòng tin với chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô T lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2014 tại UBND xã Thanh H, huyện Điện Biên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi mải chơi với bạn bè, sau đó dẫn đến vi phạm pháp luật và phải đi tù. Nay cô T làm đơn xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Tòng Thị T, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ, anh Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Thanh H, huyện ĐB tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị T và anh Đ lấy nhau năm 2014, đến năm 2018 thì Chị T khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Nguyễn Minh Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2014 tại UBND phường Chiềng C, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Đ đua đòi bạn bè, sau đó vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt 10 năm tù về tội trộm cắp tài sản, đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, Hà Nội. Do anh Đ phải chấp hành án, nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Chị T thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, xác định tình cảm của mình với anh Đ không còn. Chị T xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. **[5]. Về con chung**: Không có.

[6].Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tòng Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300. 000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

- Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2- Về con chung: Không có.

3- Về Tài sản: Không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0002829 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND phường Chiềng C, TP Sơn La;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương